



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 626/SMBĐ - CBTT

Vũng Tàu, ngày 30 tháng 08 năm 2024

V/v: Công bố BCTC soát xét 6
tháng đầu năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình

- Mã chứng khoán: PSB
- Địa chỉ: 65A3 đường 30/04, P. Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu
- Điện thoại: 0254.3628188 Fax: 0254.3628189
- Email: saomaibendinh@pvsb.com.vn Website: www.pvsb.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán soát xét năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2024
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

Số 65A3, đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Hùng

Ông Phùng Như Dũng

Ông Dương Hùng Văn

Ông Trần Xuân Tài

Ông Đặng Thanh Hải

Chủ tịch

Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2024)

Thành viên (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024)

Thành viên

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng

Ông Dương Hùng Văn

Ông Trần Đức Hạnh

Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2024)

Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024)

Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Dương Hùng Văn – Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Dương Hùng Văn
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 27 tháng 8 năm 2024

SỐ: 176 /VACO/BCSX.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ đến Thuyết minh số 34, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ liên quan đến thông tin Dự án Cảng Sao Mai Bên Đình và các khoản tiền thuê đất của dự án này. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Ngọc Thạch
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO


Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/6/2024	01/01/2024
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		481.003.836.419	515.083.662.953
I. Tiền	110	4	37.140.753.050	33.033.923.641
1. Tiền	111		37.140.753.050	33.033.923.641
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		300.000.000.000	347.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	300.000.000.000	347.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		128.760.188.405	115.642.514.146
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	91.206.755.863	88.136.521.460
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.465.304.853	11.010.411.479
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	44.620.046.419	30.027.499.937
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(13.531.918.730)	(13.531.918.730)
IV. Hàng tồn kho	140	10	10.534.679.980	11.563.412.165
1. Hàng tồn kho	141		10.534.679.980	11.563.412.165
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.568.214.984	7.843.813.001
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	540.427.989	400.393.739
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.701.929.926	7.217.562.193
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	325.857.069	225.857.069
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		283.430.650.842	287.221.508.446
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		64.124.641.127	76.800.018.436
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	64.124.641.127	76.800.018.436
- Nguyên giá	222		117.597.660.934	128.418.880.251
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.473.019.807)	(51.618.861.815)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	162.027.324.987	164.394.960.915
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(67.253.461.467)	(64.885.825.539)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		53.737.804.434	42.248.008.793
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	53.737.804.434	42.248.008.793
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.537.880.294	3.775.520.302
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.537.880.294	3.775.520.302
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		764.434.487.261	802.305.171.399

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/6/2024	01/01/2024
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		207.030.322.540	243.083.638.134
I. Nợ ngắn hạn	310		21.476.907.372	55.371.919.034
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	5.150.967.832	33.698.780.366
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	-	2.088.752.956
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	109.306.386	65.934.049
4. Phải trả người lao động	314		-	4.880.050.494
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	3.515.847.020	4.781.722.258
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	7.832.235.253	5.203.799.784
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	3.950.001.195	4.022.813.495
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		918.549.686	630.065.632
II. Nợ dài hạn	330		185.553.415.168	187.711.719.100
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	24.609.845	24.609.845
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	172.858.664.252	175.460.564.144
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	12.593.950.595	12.150.354.635
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		557.404.164.721	559.221.533.265
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	557.404.164.721	559.221.533.265
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.351.392.969	44.351.392.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.052.771.752	14.870.140.296
- LNST chưa phân phối lũy kế đến đầu kỳ	421a		14.407.256.242	10.241.299.755
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		(1.354.484.490)	4.628.840.541
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		764.434.487.261	802.305.171.399


Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu


Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng



Dương Hùng Văn
Giám đốc
Vũng Tàu, ngày 27 tháng 8 năm 2024





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	67.481.749.359	47.725.556.059
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		67.481.749.359	47.725.556.059
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	62.747.273.821	44.779.857.634
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		4.734.475.538	2.945.698.425
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	8.701.655.337	16.460.197.707
6. Chi phí tài chính	22		552.390.221	207.629.452
7. Chi phí bán hàng	25	30	291.222.054	291.222.066
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	12.785.850.888	14.144.834.024
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(193.332.288)	4.762.210.590
10. Thu nhập khác	31		590.933.523	331.190.290
11. Chi phí khác	32		1.308.489.765	1.097.825.915
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(717.556.242)	(766.635.625)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(910.888.530)	3.995.574.965
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	443.595.960	443.595.960
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.354.484.490)	3.551.979.005
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	(27,09)	71,04


Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu


Phạm Minh VI
Kế toán trưởng


Dương Hùng Văn
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2024	Từ ngày 01/01/2023
		đến ngày 30/6/2024	đến ngày 30/6/2023
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(910.888.530)	3.995.574.965
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	4.254.133.920	4.161.514.988
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	540.677.684	(138.106.450)
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.437.348.663)	(16.320.142.320)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.553.425.589)	(8.301.158.817)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(11.003.620.866)	(10.243.182.402)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.028.732.185	(6.451.266.618)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(32.033.267.988)	(4.232.122.295)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	126.830.758	(228.845.917)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(100.000.000)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(174.400.000)	(97.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(46.709.151.500)	(29.553.576.049)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.224.976.729)	(2.544.327.776)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	6.893.940	1.136.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(128.000.000.000)	(230.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	175.000.000.000	232.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.262.033.597	14.102.800.482
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	51.043.950.808	13.559.609.070
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(378.300)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(378.300)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.334.421.008	(15.993.966.979)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.033.923.641	33.052.713.569
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(227.591.599)	123.663.807
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	37.140.753.050	17.182.410.397

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng

Đương Hùng Văn
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2012 và thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 4903000636 ngày 7 tháng 5 năm 2007 và thay đổi lần thứ 10 số 3500794814 ngày 5 tháng 7 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Upcom với mã chứng khoán là PSB.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 73 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 74 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; Khai thác cụm cảng container;
- Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Dịch vụ đại lý tàu biển; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;
- Xây dựng cảng; xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; Kho chứa các sản phẩm dầu khí; Các công trình đường ống dẫn dầu, khí, nhiên liệu;
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- Kinh doanh phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Cho thuê các phương tiện vận tải; Cho thuê kho bãi;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê lại lao động.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các Thuyết minh số 14;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính
	(Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc, thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 - 49 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí bảo trì, cải tạo nhà máy. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bên liên quan (Tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan:

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC - M&C	Thành viên PTSC
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC - Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - SB	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	PTSC - POS	Thành viên PTSC

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC - MS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PVC - PT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	PV Gas South	Thành viên PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - XN Phân phối khí thấp áp Miền Đông Nam Bộ	PV Gas D - NT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	PVFCCO - ĐNB	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	PV Oil Vũng Tàu	Thành viên PVN
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, quản lý và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này		Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

4. TIỀN

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	103.707.913	168.191.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.037.045.137	32.865.732.576
Cộng	37.140.753.050	33.033.923.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	300.000.000.000	300.000.000.000	347.000.000.000	347.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Chợ Lớn	40.000.000.000	40.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	40.000.000.000	40.000.000.000	85.000.000.000	85.000.000.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng VP Bank	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	98.000.000.000	98.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	45.000.000.000	45.000.000.000
Các ngân hàng khác	122.000.000.000	122.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất được hưởng từ 3,9% đến 4,9%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	65.179.533.508	72.157.524.339
<i>Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC):</i>		
- Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	6.604.356.619	1.664.421.370
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng hải	-	1.327.023.467
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	53.556.085.565	65.387.081.342
<i>Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)</i>		
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	5.019.091.324	3.778.998.160
b) Phải thu của khách hàng khác	26.027.222.355	15.978.997.121
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	13.531.918.730
Hyundai Heavy Industries Co., Ltd	-	501.357.485
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	12.464.399.640	1.138.183.640
Khách hàng khác	30.903.985	807.537.266
Cộng	91.206.755.863	88.136.521.460

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Techerane International, LLC	5.257.761.174	10.050.982.800
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật SS-Tech	920.310.000	-
Nhà cung cấp khác	287.233.679	959.428.679
Cộng	6.465.304.853	11.010.411.479

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	44.620.046.419	30.027.499.937
Ký quỹ	-	7.500.000
Lãi dự thu	3.526.191.780	4.350.876.714
Doanh thu trích trước từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.943.195.696	25.531.099.266
i) Bên liên quan - Thành viên của PTSC		
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	4.354.942.431	23.924.303.911
- Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.181.317.457	1.094.384.801
ii) Bên liên quan - Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN)		
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	322.492.152	464.078.985
iii) Đối tượng khác:		
Techcrane International, LLC	-	48.331.569
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	5.084.443.656	-
Tiền thuê đất (*)	30.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	150.658.943	138.023.957
b) Phải thu dài hạn khác	3.000.000	3.000.000
Ký quỹ	3.000.000	3.000.000
Cộng	44.623.046.419	30.030.499.937

(*) Ngày 28 tháng 7 năm 2022, Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo có Thông báo về việc nộp tiền thuê đất của Công ty đối với lô đất 819.325,4 m² để đầu tư Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 14 tháng 02 năm 2015 (giai đoạn trước khi Công ty đầu tư xây dựng trên khu đất này). Theo đó, Công ty đã cam kết tạm nộp với số tiền 60.000.000.000 VND trong năm 2024, tương ứng với từng lần nộp theo từng quý. Giai đoạn này Công ty xác định chưa có đầy đủ hồ sơ pháp lý liên quan: Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất, Biên bản bàn giao thực địa. Mặt khác, diện tích đất tính tiền thuê đất theo thông báo của Cơ quan thuế chưa đúng với diện tích đất sử dụng thực tế của Công ty. Vì vậy, Công ty cũng đang làm việc với Sở Tài nguyên Môi trường theo hướng dẫn của Văn phòng Đăng ký sử dụng đất để xác định lại diện tích sử dụng cho giai đoạn này. Ngoài ra, Công ty cũng đang đề nghị Chi cục thuế Khu vực Vũng Tàu – Côn Đảo không áp dụng khoản phạt chậm nộp tiền thuê đất của giai đoạn này vì những lý do khách quan nêu trên.

Đồng thời, theo các thỏa thuận cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình giữa Công ty và hai đơn vị: Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí ("PVC-MS") số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 9 tháng 8 năm 2010 và Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard") số CN0107001/HDKT-PVSB ngày 6 tháng 12 năm 2007, giá thuê sẽ bao gồm các chi phí sử dụng đất, tiền thuê đất mà Công ty phải trả cho Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định cộng với 10% chi phí quản lý (Giá thuê bao gồm chi phí đầu tư xây dựng cộng với các khoản chi phí sử dụng đất phải nộp cho địa phương theo quy định, tuy nhiên kể từ khi công ty ký hợp đồng cho thuê mặt bãi với PV Shipyard và PVC-MS, giá trị hợp đồng chỉ tính toán trên giá trị đầu tư hạ tầng là chính, còn chi phí thuê và sử dụng đất phải đóng cho địa phương chưa đưa vào vì chưa có các thông báo của cơ quan thuế). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, số dư phải thu về tiền thuê đất là khoản tiền thuê đất giai đoạn 6 tháng đầu năm 2024 mà Công ty đã nộp hộ 30.000.000.000 VND cho giai đoạn 2008 – 2015 và sẽ phải thu lại từ các đơn vị trên theo đúng quy định của các hợp đồng cho thuê mặt bãi đã ký (cụ thể số tiền thuê đất nộp hộ trên được phân chia cho các đơn vị lần lượt là PV Shipyard: 19.174.485.106 VND; PVC-MS: 10.825.514.894 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

9. NỢ XẤU

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-
Cộng	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-

10. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	11.482.944.818	-
Hàng hóa	10.534.679.980	-	80.467.347	-
Cộng	10.534.679.980	-	11.563.412.165	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	540.427.989	400.393.739
Phí bảo hiểm, kiểm định	294.729.659	222.694.798
Chi phí khác	245.698.330	177.698.941
b) Dài hạn	3.537.880.294	3.775.520.302
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	297.870.476	361.682.080
Chi phí sửa chữa	2.997.520.361	3.130.596.801
Khác	242.489.457	283.241.421
Cộng	4.078.308.283	4.175.914.041

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại ngày	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Tại ngày
	01/01/2024	trong kỳ	trong kỳ	30/6/2024
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu	225.857.069	275.900	100.275.900	325.857.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.756.995	-	100.000.000	319.756.995
Các loại thuế khác	6.100.074	275.900	275.900	6.100.074
b) Phải nộp	65.934.049	1.449.374.467	1.406.002.130	109.306.386
Thuế xuất, nhập khẩu	-	21.112.533	21.112.533	-
Thuế thu nhập cá nhân	65.934.049	1.408.497.909	1.365.125.572	109.306.386
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	15.764.025	15.764.025	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNHSố 65A3, đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu,
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam**MẪU SỐ B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCD hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	88.179.034.560	1.171.900.000	4.498.472.882	159.620.000	34.409.852.809	128.418.880.251
- Mua trong kỳ	-	1.759.259.259	-	65.260.000	-	1.824.519.259
- Giảm khác (*)	(12.613.398.576)	-	-	-	-	(12.613.398.576)
- Thanh lý	-	-	-	(32.340.000)	-	(32.340.000)
Tại ngày 30/6/2024	75.565.635.984	2.931.159.259	4.498.472.882	192.540.000	34.409.852.809	117.597.660.934
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	16.959.528.341	719.595.711	3.256.199.388	133.719.998	30.549.818.377	51.618.861.815
- Khấu hao trong kỳ	1.232.326.713	80.401.686	133.143.186	8.045.355	642.804.360	2.096.721.300
- Giảm khác	(210.223.308)	-	-	-	-	(210.223.308)
- Giảm do thanh lý	-	-	-	(32.340.000)	-	(32.340.000)
Tại ngày 30/6/2024	17.981.631.746	799.997.397	3.389.342.574	109.425.353	31.192.622.737	53.473.019.807
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	71.219.506.219	452.304.289	1.242.273.494	25.900.002	3.860.034.432	76.800.018.436
Tại ngày 30/6/2024	57.584.004.238	2.131.161.862	1.109.130.308	83.114.647	3.217.230.072	64.124.641.127

(*) Đây là chi phí di dời, hoàn trả cho hạng mục “di dời lắp đặt nhà xưởng hiện hữu” thuộc Công trình “Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (Nối từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)”. Hạng mục này đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư theo Quyết định số 62/QĐ-SMBĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Giám đốc Công ty. Theo Quyết định này, hạng mục nêu trên hiện chưa ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định, do vậy Công ty thực hiện điều chỉnh giảm nguyên giá TSCD, khấu hao và ghi nhận tăng giá trị xây dựng cơ bản dở dang (xem Thuyết minh số 16).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 với giá trị là 29.565.230.227 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 29.597.570.227 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	53.372.880	53.372.880
Tại ngày 30/6/2024	53.372.880	53.372.880
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	53.372.880	53.372.880
Tại ngày 30/6/2024	53.372.880	53.372.880
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 30/6/2024	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 với giá trị là 53.372.880 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 53.372.880 VND).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Cơ sở hạ tầng</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	229.280.786.454	229.280.786.454
Tại ngày 30/6/2024	229.280.786.454	229.280.786.454
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	64.885.825.539	64.885.825.539
- Khấu hao trong kỳ	2.367.635.928	2.367.635.928
Tại ngày 30/6/2024	67.253.461.467	67.253.461.467
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	164.394.960.915	164.394.960.915
Tại ngày 30/6/2024	162.027.324.987	162.027.324.987

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	<u>Nguyên giá</u>
	VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	97.399.118.187
Cộng	<u>229.280.786.454</u>

- (i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2009 (Hợp đồng kinh tế số 0107001/HĐKT-PVSB ngày 6 tháng 12 năm 2007). Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)**

- (ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2010 và được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010 (Hợp đồng nguyên tắc số 23/PVSB-PVC/12-09/M ngày 11 tháng 12 năm 2009 và Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 9 tháng 8 năm 2010). Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 49 năm.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 – *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Công ty nắm giữ bất động sản đầu tư dài hạn nhằm mục đích cho thuê để thu lợi ích và không có kế hoạch chuyển nhượng trong tương lai gần.

16. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (i)	38.472.788.885	38.472.788.885
Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình (ii)	2.457.328.791	1.934.142.467
Dự án Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và Di dời, lắp đặt Nhà xưởng hiện hữu (iii)	12.725.868.576	-
Dự án khác	81.818.182	81.818.182
Đầu tư mua sắm tài sản cố định	-	1.759.259.259
Cộng	<u>53.737.804.434</u>	<u>42.248.008.793</u>

- (i) Các chi phí ban đầu (bồi thường, rà phá bom mìn, vật liệu nổ, đền bù giải phóng mặt bằng) triển khai cho việc thực hiện đầu tư dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo quyết định của Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2024, Công ty đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo các hướng dẫn của UBND tỉnh (*thông tin bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xem tại Thuyết minh số 32*).
- (ii) Các chi phí đầu tư dở dang riêng cho dự án thành phần là Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai – Bến Đình trong tổng diện tích đất đã được bàn giao đợt 1 cho Công ty. Trong kỳ, Công ty tiếp tục đầu tư nghiên cứu tính khả thi, thẩm tra thiết kế và dự toán công trình hạng mục san lấp mặt bằng phân khu 1 – phân kỳ 2 cho diện tích 5,2 ha.
- (iii) Đây là chi phí liên quan hạng mục “di dời lắp đặt nhà xưởng hiện hữu” thuộc Công trình “Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (Nổi từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)”, bao gồm phần giá trị chuyển từ tài sản cố định trong kỳ (xem Thuyết Minh số 13). Giá trị hạng mục này sẽ được tập hợp và phân bổ khi Dự án Công trình “Đường vào Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (Nổi từ Công ty PV Shipyard qua khu đất của Công ty PVC-MS)” thực hiện hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	148.612.898	148.612.898
<i>i) Bên liên quan - Thành viên PTSC</i>				
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải (PTSC-MC)	-	-	45.360.000	45.360.000
<i>ii) Bên liên quan - Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN)</i>				
- Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	-	-	97.434.848	97.434.848
- Công ty Cảng Dịch Vụ Dầu Khí	-	-	5.818.050	5.818.050
b) Phải trả người bán là các đối tượng khác	5.150.967.832	5.150.967.832	33.550.167.468	33.550.167.468
Duprex Offshore Pte Ltd	4.809.374.743	4.809.374.743	-	-
Công ty TNHH Hải Lưu	132.944.213	132.944.213	24.914.880.330	24.914.880.330
Công ty CP Thương mại Kỹ thuật Toàn Cầu	-	-	1.478.400.000	1.478.400.000
Công ty CP Xây dựng Phúc Hưng Cons	-	-	3.731.653.298	3.731.653.298
Công ty TNHH Dịch vụ thử không phá hủy Q.I.S	-	-	1.520.591.304	1.520.591.304
Nhà cung cấp khác	208.648.876	208.648.876	1.904.642.536	1.904.642.536
Cộng	5.150.967.832	5.150.967.832	33.698.780.366	33.698.780.366

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) - Bên liên quan	-	2.088.752.956
Cộng	-	2.088.752.956

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.515.847.020	4.781.722.258
Trích trước chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.206.629.475	2.749.375.999
Chi phí khác	1.309.217.545	2.032.346.259
b) Dài hạn	24.609.845	24.609.845
Trích trước chi phí ký quỹ bảo lãnh bảo hành công trình	24.609.845	24.609.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	7.832.235.253	5.203.799.784
<i>a1. Bên liên quan</i>	<i>7.363.799.784</i>	<i>5.203.799.784</i>
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) (ii)	2.160.000.000	-
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (i)	3.017.358.087	3.017.358.087
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS) (i)	2.186.441.697	2.186.441.697
<i>a2. Đối tượng khác</i>	<i>468.435.469</i>	<i>-</i>
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	468.435.469	-
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	172.858.664.252	175.460.564.144
Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (i)	98.064.137.845	99.572.816.889
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS) (i)	74.794.526.407	75.887.747.255

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện:

- (i) Số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu cho tổng thời gian thuê 48 – 49 năm tương ứng phần diện tích cho thuê. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm trong thời gian 48 và 49 năm kể từ thời điểm cho thuê.
- (ii) Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu với diện tích 3ha, thời gian thuê 10 tháng kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024.

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.950.001.195	3.950.379.495
Các khoản phải trả khác	-	72.434.000
Cộng	3.950.001.195	4.022.813.495

22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>30/6/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	12.150.354.635	11.263.162.715
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	443.595.960	887.191.920
Số dư cuối kỳ	12.593.950.595	12.150.354.635

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 năm và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	500.000.000.000	44.351.392.969	10.342.344.237	554.693.737.206
Lãi trong năm	-	-	4.628.840.541	4.628.840.541
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(101.044.482)	(101.044.482)
Tại ngày 31/12/2023	500.000.000.000	44.351.392.969	14.870.140.296	559.221.533.265
Lỗ trong kỳ	-	-	(1.354.484.490)	(1.354.484.490)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(462.884.054)	(462.884.054)
Tại ngày 30/6/2024	500.000.000.000	44.351.392.969	13.052.771.752	557.404.164.721

- (i) Theo Nghị Quyết số 70/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2023 với số tiền là 462.884.054 VND.

Cổ phiếu	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	30/6/2024		01/01/2024	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	255.000.000.000	51%	255.000.000.000	51%
Phần vốn của các đối tượng khác	245.000.000.000	49%	245.000.000.000	49%
Cộng	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Ngoại tệ các loại*

	30/6/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	192.039,71	767.668,26

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đã xử lý

	30/6/2024	01/01/2024
Công ty CP Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco)	10.530.000.000	10.530.000.000

Tại ngày 29 tháng 11 năm 2021, Sopewaco đã bị Tòa án Nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 01/2021/QĐ-TBPS tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản. Do đó, Công ty đã đánh giá khoản đầu tư này không thể thu hồi được và tiến hành xử lý tổn thất khoản đầu tư theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng.
- Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất; dịch vụ cho thuê lại lao động.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bảng cân đối kế toán:

Tại ngày 30/6/2024	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí		Bộ phận kinh doanh hàng hóa		Cộng
	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	327.080.578.808	54.229.425.053	39.128.708.693	420.438.712.554	
Tài sản không phân bổ				343.995.774.707	
Tổng tài sản				764.434.487.261	
Nợ phải trả bộ phận	195.678.406.524	30.321.772	6.205.012.288	201.913.740.584	
Nợ phải trả không phân bổ				5.116.581.956	
Tổng nợ phải trả				207.030.322.540	

Tại ngày 01/01/2024	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí		Bộ phận kinh doanh hàng hóa		Cộng
	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	279.363.407.740	122.185.364.666	12.631.919.710	414.180.692.116	
Tài sản không phân bổ				388.124.479.283	
Tổng tài sản				802.305.171.399	
Nợ phải trả bộ phận	199.305.760.167	32.049.181.683	1.820.057.475	233.174.999.325	
Nợ phải trả không phân bổ				9.908.638.809	
Tổng nợ phải trả				243.083.638.134	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.534.050.172	23.998.282.066	28.949.417.121	67.481.749.359
Giá vốn	13.119.353.473	21.741.357.866	27.886.562.482	62.747.273.821
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.414.696.699	2.256.924.200	1.062.854.639	4.734.475.538
Chi phí không phân bổ				(13.077.072.942)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(8.342.597.404)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				8.149.265.116
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				(193.332.288)
Lợi nhuận khác				(717.556.242)
Lợi nhuận trước thuế				(910.888.530)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(443.595.960)
Lợi nhuận sau thuế				<u>(1.354.484.490)</u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>4.254.133.920</u>

Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí	Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.999.402.657	18.135.895.166	21.590.258.236	47.725.556.059
Giá vốn	6.847.244.373	17.231.409.152	20.701.204.109	44.779.857.634
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.152.158.284	904.486.014	889.054.127	2.945.698.425
Chi phí không phân bổ				(14.436.056.090)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(11.490.357.665)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				16.252.568.255
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				4.762.210.590
Lợi nhuận khác				(766.635.625)
Lợi nhuận trước thuế				3.995.574.965
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(443.595.960)
Lợi nhuận sau thuế				<u>3.551.979.005</u>
Thông tin khác				
Khấu hao				<u>4.161.514.988</u>

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/6/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023</u> <u>đến ngày 30/6/2023</u>
	VND	VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	3.401.899.892	2.601.899.892
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.199.315.623	30.391.532.167
Doanh thu bán hàng hóa	15.880.533.844	14.732.124.000
Cộng	67.481.749.359	47.725.556.059

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/6/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023</u> <u>đến ngày 30/6/2023</u>
	VND	VND
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	2.903.105.683	2.367.635.928
Giá vốn cung cấp dịch vụ	44.567.692.075	27.881.997.890
Giá vốn bán hàng hóa	15.276.476.063	14.530.223.816
Cộng	62.747.273.821	44.779.857.634

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/6/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023</u> <u>đến ngày 30/6/2023</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.511.377.449	7.306.087.335
Chi phí nhân công	22.317.768.146	25.844.926.205
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.254.133.920	4.161.514.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.310.405.364	10.431.060.259
Chi phí khác	4.447.489.084	4.363.313.332
Cộng	49.841.173.963	52.106.902.119

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/6/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023</u> <u>đến ngày 30/6/2023</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.437.348.663	16.319.005.956
Lãi chênh lệch tỷ giá	264.306.674	141.191.751
Cộng	8.701.655.337	16.460.197.707

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí khấu hao TSCĐ	291.222.054	291.222.066
Cộng	291.222.054	291.222.066
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	5.814.130.811	6.949.100.962
Chi phí vật liệu quản lý	514.055.450	641.086.286
Chi phí khấu hao TSCĐ	965.078.493	1.058.438.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.299.816.824	1.487.530.905
Các khoản chi phí QLDN khác	4.192.769.310	4.008.677.585
Cộng	12.785.850.888	14.144.834.024

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(910.888.530)	3.995.574.965
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(2.670.364.049)	(1.237.396.421)
Trừ: Chi phí được khấu trừ	(2.756.976.854)	(2.217.979.800)
- <i>Chênh lệch khấu hao</i>	(2.217.979.800)	(2.217.979.800)
- <i>Quỹ lương dự phòng năm 2023 chuyển sang thực hiện năm 2024</i>	(445.734.750)	-
- <i>Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của khoản mục tiền và phải thu cuối năm trước</i>	(93.262.304)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ và điều chỉnh tăng	86.612.805	980.583.379
Thu nhập chịu thuế	(3.581.252.579)	2.758.178.544
<i>Chuyển lỗ</i>	-	(2.758.178.544)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 4.711.058.418 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ VND	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được	Tình hình quyết toán thuế
			đến 30/6/2024 VND	chuyển VND	
2019	356.725.976	2020 - 2024	356.725.976	-	Chưa quyết toán
2021	1.680.165.582	2022 - 2026	1.675.657.244	4.508.338	Chưa quyết toán
2022	1.125.297.501	2023 - 2027	-	1.125.297.501	Chưa quyết toán
2024	3.581.252.579	2025 - 2029	-	3.581.252.579	Chưa quyết toán
				4.711.058.418	

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 VND	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận sau thuế	(1.354.484.490)	3.551.979.005
<i>Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)</i>	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.354.484.490)	3.551.979.005
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(27,09)	71,04

- (i) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cả năm 2023, tuy nhiên, Công ty không tách được quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 nên không trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty chưa có phương án cụ thể cho việc phân phối lợi nhuận năm 2024, việc trích lập các quỹ sẽ thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	593.100.000	593.100.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.372.400.000	2.372.400.000
Trên 5 năm	16.903.350.000	17.199.900.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện: Tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 5.000 m² tại bãi thi công của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phụ lục hợp đồng thuê được ký với thời hạn được tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2057.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

34. THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

i. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình tiếp tục xin điều chỉnh giấy phép đầu tư để dự án cảng Sao Mai Bến Đình (SM-BĐ) được công nhận là dự án cảng biển thuộc danh mục đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015 (“Nghị định 118” - được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021). Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 (“Nghị định 46”), các dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 03 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2018).

Trên cơ sở các văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn bản hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; cũng như Văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về điều chỉnh quy mô Dự án theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước; Công ty đang triển khai thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định hiện hành (mục (ii) dưới đây).

Tiền thuê đất hiện nay được tính cho 03 giai đoạn:

- ✓ Giai đoạn 1 (từ ngày 24 tháng 3 năm 2008 đến ngày 11 tháng 02 năm 2015): Giai đoạn trước khi có Quyết định của UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cho thuê đất đợt 1.
- ✓ Giai đoạn 2 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến ngày 11 tháng 02 năm 2018): Giai đoạn từ khi có Quyết định cho thuê đất đến hết 03 năm tiếp theo - thực hiện xây dựng cơ bản: đã có quyết định miễn tiền thuê đất của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- ✓ Giai đoạn 3 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến ngày 12 tháng 02 năm 2029): Giai đoạn 11 năm tiếp sau 03 năm xây dựng cơ bản - Công ty đang xin ưu đãi đầu tư đặc biệt cho mục tiêu đầu tư “cảng biển”.

Theo Thông báo số 319984/TB-CCTKV ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thuế Khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo thì khoản phải nộp tiền thuê đất cho đến hiện nay với số tiền dự tính là 585.763.050.644 VND; trong đó, tiền thuê đất: 459.954.200.382 VND, tiền chậm nộp: 125.808.850.262 VND, được tính cho 3 giai đoạn:

- ✓ Giai đoạn 1 (từ ngày 24 tháng 03 năm 2008 đến ngày 11 tháng 02 năm 2015): Giai đoạn trước khi có Quyết định của UBND Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc cho thuê đất đợt 1. Số tiền phải nộp: tiền thuê đất: 97.831.054.199 VND (đã trừ 30.000.000.000 VND tạm nộp - xem thuyết minh số 8), tiền chậm nộp: 24.217.610.355 VND, tổng số tiền phải nộp: 122.048.664.554 VND. Công ty đã tạm tính phân bổ cho Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (“PVC-MS”) và Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (“PV Shipyard”) là: 83.427.837.597 VND. Công ty đã tạm nộp ngân sách trong quý 1, quý 2 năm 2024 số tiền 30.000.000.000 đồng và phải thu lại của 02 đơn vị trên lần lượt là:
 - PV Shipyard: 19.174.485.106 VND.
 - PVC-MS: 10.825.514.894 VND.

Trong giai đoạn này chưa có đầy đủ thủ tục pháp lý liên quan như Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng thuê đất, Biên bản bàn giao đất. Cơ quan thuế căn cứ các Hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng giữa Công ty và 02 đơn vị, căn cứ văn bản của Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận diện tích đất sử dụng thực tế để tính nghĩa vụ nộp tiền thuê đất của Công ty.

Do Công ty không sử dụng đất thực tế trong giai đoạn này và Công ty PVC-MS sử dụng đất sau ngày 24 tháng 03 năm 2008 nên Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng để hiệu chỉnh giảm diện tích thực tế sử dụng, giảm thời gian thực tế sử dụng. Tương ứng, số tiền Công ty đề nghị hiệu chỉnh giảm là: 38.620.826.957 VND theo Công văn số 552/SMBĐ-TCKT ngày 12 tháng 8 năm 2024 gửi Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo và Văn phòng Đăng ký Đất đai - Sở Tài Nguyên và Môi trường.

- ✓ Giai đoạn 2 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến ngày 11 tháng 02 năm 2018): Giai đoạn từ khi có Quyết định cho thuê đất đến hết 03 năm tiếp theo - thực hiện xây dựng cơ bản: đã có quyết định miễn tiền thuê đất của Cục Thuế Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

34. THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN (TIẾP THEO)

i. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng (Tiếp theo)

- ✓ Giai đoạn 3 (từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến ngày 12 tháng 02 năm 2029): Giai đoạn 11 năm tiếp sau 03 năm xây dựng cơ bản - Công ty đang xin ưu đãi đầu tư đặc biệt cho mục tiêu đầu tư “cảng biển”. Do Công ty phải điều chỉnh lại quy mô dự án cho phù hợp với quy hoạch của Tỉnh, nên việc xem xét phê duyệt Dự án đang bị chậm so với kế hoạch. Công ty đang tích cực giải trình, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Dự án. Trong trường hợp, sau khi công ty hoàn tất thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư nhưng không được hưởng ưu đãi, số tiền phải nộp: tiền thuê đất: 362.123.146.183 VND, tiền chậm nộp: 101.591.239.905 VND, tổng số tiền phải nộp: 463.714.386.088 VND (Công ty đã tạm tính số tiền được phân bổ cho các bên theo diện tích sử dụng lần lượt là: Công ty: 109.592.013.913 VND, PV Shipyard: 224.328.251.107 VND, PVC-MS: 129.794.121.068 VND).

Hiện tại, Công ty đang nỗ lực đẩy nhanh các thủ tục điều chỉnh dự án, vận dụng các quy định pháp luật để dự án Cảng Sao Mai – Bến Đình được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định của nghị định 118 (được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021). Gần nhất, Công ty có văn bản số 449/SMBĐ-ĐTĐD ngày 11 tháng 7 năm 2024 tiếp tục giải trình lên Bộ Kế hoạch – Đầu tư. Công ty xác định, nghĩa vụ thanh toán tiền thuê đất sẽ chỉ được xác nhận sau khi có quyết định dự án Cảng Sao Mai Bến Đình đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi và có tiếp tục được miễn tiền thuê đất hay không. Do vậy, Công ty tạm thời chưa ghi nhận nghĩa vụ liên quan khoản tiền thuê đất nêu trên trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

ii. Thông tin về điều chỉnh dự án đầu tư

Theo Nghị quyết số 74/NQ-SMBĐ-ĐHCD ngày 12 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã chấp thuận chủ trương điều chỉnh giảm quy mô dự án đầu tư: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình với tổng diện tích sử dụng của dự án đầu tư sau điều chỉnh là 112,5 ha (diện tích dự án đầu tư trước điều chỉnh là 161,5 ha). Mục đích điều chỉnh giảm quy mô dự án để thực hiện Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2035, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty. Công ty đã thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai – Bến Đình theo quy định của Luật đầu tư 2020 và đã nhận được phản hồi từ các Sở, ban ngành chấp thuận bổ sung công năng khai thác hàng tổng hợp tại Cảng Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, đồng thời Cục Hàng hải Việt Nam đã cập nhật bổ sung công năng khai thác trong quy hoạch chi tiết cảng biển cho Công ty.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã gửi Công văn số 4186/BKHĐT-GSTĐĐT, yêu cầu UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cùng Công ty giải trình và làm rõ một số nội dung liên quan đến việc thẩm định nội dung đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (lần 2) của Công ty sau khi Bộ kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến thẩm định của các Bộ, ban ngành để Bộ Kế hoạch và Đầu tư có cơ sở tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án theo quy định của pháp luật. Ngày 5 tháng 7 năm 2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp tục gửi Công văn số 5282/BKHĐT-GSTĐĐT, về việc đề nghị UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cùng Công ty khẩn trương có ý kiến và giải trình bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ Dự án.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, Công ty đã gửi Công văn số 449/SMBĐ-ĐTĐD để giải trình các vấn đề liên quan được nêu trong Công văn số 4186/BKHĐT-GSTĐĐT đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc cùng các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày trong các thuyết minh số 6, 7, 14, 16, 17, 18 và 21; trong kỳ, Công ty còn các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/6/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023</u> <u>đến ngày 30/6/2023</u>
	VND	VND
<u>Doanh thu</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	37.847.165.343	2.142.374.396
PTSC - M&C	-	18.068.848.466
PV Shipyard	9.324.584.448	4.411.992.073
PTSC - POS	-	286.929.940
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	4.380.221.720	3.300.480.644
<u>Mua hàng hóa, dịch vụ</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Hotel	184.261.350	380.022.271
PTSC - SB	45.558.500	676.770.909
PV Shipyard	649.113.111	824.072.636
Các thành viên thuộc PVN		
PV Oil Vũng Tàu	259.425.978	431.098.883
PV Gas South	-	4.381.404.300
PVI Vũng Tàu	406.948.544	175.990.527
<u>Thu tiền bán hàng</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	74.020.091.789	419.703.274
PTSC - M&C	1.327.023.467	18.895.656.980
PV Shipyard	2.682.158.192	1.926.313.857
PTSC - POS	-	343.805.739
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	2.385.944.860	2.157.401.817
<u>Thanh toán tiền mua hàng</u>		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - SB	52.905.532	696.821.017
PTSC - Hotel	273.878.948	376.459.574
PTSC - M&C	45.360.000	-
Các thành viên thuộc PVN		
PV Oil Vũng Tàu	89.563.859	157.151.170
PVN	57.918.341	105.000.000
PVI Vũng Tàu	406.948.544	175.990.527
PV Gas South	-	4.819.544.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Từ ngày	Từ ngày
			01/01/2024 đến ngày 30/6/2024	01/01/2023 đến ngày 30/6/2023
			VND	VND
I.	Hội đồng Quản trị		-	336.881.818
1	Trần Hải Bình	Chủ tịch (Miễn nhiệm 26 tháng 10 năm 2023)	-	300.881.818
2	Phạm Văn Hùng	Chủ tịch (Bổ nhiệm 26 tháng 10 năm 2023)	-	-
3	Đặng Thanh Hải	Thành viên	-	18.000.000
4	Trần Xuân Tài	Thành viên	-	18.000.000
II.	Ban điều hành		1.014.166.329	784.772.727
1	Phùng Như Dũng	Giám đốc	600.651.555	300.853.636
2	Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc	-	256.709.091
3	Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	413.514.774	227.210.000
III.	Ban kiểm soát		353.307.464	206.329.091
IV.	Kế toán trưởng		353.307.465	197.716.364
1	Phạm Minh Vĩ	Kế toán trưởng	353.307.465	197.716.364
	Cộng		1.720.781.258	1.525.700.000

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm 3.526.191.780 VND là số tiền lãi dự thu của các khoản đầu tư tiền gửi tiết kiệm tại ngày cuối kỳ, nhưng đã bao gồm 4.350.876.714 VND là số tiền lãi dự thu tại ngày đầu năm đã thu được trong kỳ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng với số chênh lệch đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ chưa bao gồm 2.475.982 VND là số tiền còn phải trả về mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang tại cuối kỳ mà chưa được thanh toán nhưng đã bao gồm 4.531.006.387 VND là khoản tiền mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang thời điểm đầu kỳ được thanh toán trong kỳ này. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng



Dương Hùng Văn
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 27 tháng 8 năm 2024